

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA BÌNH  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 07-5-2021  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Huỳnh Tài Em

+ Ông Nguyễn Văn Miên

**- T ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Mỹ Ghết - T ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu**

*Tham gia phiên tòa:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N - SN 1982

Địa chỉ: ấp 1, xã B, huyện Q, tỉnh K Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung K - SN 1980

Địa chỉ: ấp 14, xã B, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung K tự nguyện chung sống vợ chồng 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì xảy ra bất đồng mâu thuẫn, cãi vã nhau, trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nhau tính tình, mâu thuẫn không thể khắc phục được, tình cảm không còn và dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 13/10/2003 và Nguyễn Đức P - sinh ngày 07/01/2010 hiện cháu T đã trưởng thành sống tự lập được, còn cháu P hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị và anh K thỏa

thuận là giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn Anh Nguyễn Trung K trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 như sau:**

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì xảy ra bất đồng mâu thuẫn, cãi vã nhau, trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nhau tính tình, mẫu thuẫn không thể khắc phục được, tình cảm lệch lạc và dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn vợ xin ly hôn anh, anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 13/10/2003 và Nguyễn Đức P - sinh ngày 07/01/2010 hiện cháu T đã trưởng thành sống tự lập được, còn cháu P hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn anh K và chị N thỏa thuận là giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh K và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, anh K không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Trung K không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc mà đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị N và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viên kiểm sát huyện Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt chị N và anh K.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật nhân gia đình năm 2014, tuyên xử không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận tiếp tục giao 01 con chung là cháu Nguyễn Đức P - sinh ngày 07/01/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, Về mức cấp dưỡng nuôi con anh K và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình giải quyết về “Ly hôn”; giữa chị N và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Do đó, yêu cầu “Ly hôn” của nguyên đơn theo pháp luật xử không công nhận vợ chồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K là “Hôn nhân và gia đình” được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Trung K có Hộ khẩu tại ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết N và bị đơn anh Nguyễn Trung K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

4.1 Về hôn nhân: Căn cứ xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 cho đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân, quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K là vợ chồng.

4.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 13/10/2003 và Nguyễn Đức P - sinh ngày 07/01/2010 hiện cháu T đã trưởng thành sống tự lập được, còn cháu P hiện đang ở với chị N. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh K là tiếp tục giao cả giao cháu Nguyễn Đức P - sinh ngày 07/01/2010 cho chị N nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh K và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.3 Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K xác định không có nên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm:*

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Tuyết N là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] *Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:* Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật nhân gia đình năm 2014
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Trung K là vợ chồng.
  2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức P - sinh ngày 07/01/2010 cho chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh K và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
  3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.
  4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Trung Kiên không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số số 0002517 ngày 12/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Nay chuyển thu án phí.
- Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện HB ;
- Chi cục THADS huyện HB ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã Ký)**

**Phan Chí Tâm**